

người đó có trách nhiệm tìm kiếm và kết luận sớm. Trong thời gian tìm kiếm, gia đình có người mất tích (là cán bộ, chiến sĩ có tiền lương hoặc sinh hoạt phí) được trợ cấp hàng tháng bằng khoản còn lại của tiền lương hoặc sinh hoạt phí sau khi đã trừ phần dành cho sinh hoạt của bản thân người đó.

Sau 6 tháng, nếu vẫn chưa rõ tin tức, thì gia đình có người mất tích được hưởng chế độ trợ cấp như đối với gia đình liệt sĩ và chậm nhất là sau hai năm tìm kiếm (kể từ ngày mất tích), nếu không có chứng cứ là đầu hàng, phản bội hoặc đào ngũ, thì những quân nhân, công nhân, viên chức và công dân nói trên được xác nhận là liệt sĩ và gia đình được hưởng mọi quyền lợi của gia đình liệt sĩ.

Điều 11. — Đồng chí Bộ trưởng Bộ Thương binh và xã hội phối hợp với thủ trưởng các ngành có liên quan hướng dẫn thi hành quyết định này.

Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ và chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 1980

T. M. Hội đồng Chính phủ

K. T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

TÓ HỮU

CÁC BỘ

ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
NHÀ NƯỚC

QUYẾT ĐỊNH số 407-QĐ ngày 29-9-1980 ban hành hai tiêu chuẩn Nhà nước,

**CHỦ NHIỆM
ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
NHÀ NƯỚC**

Căn cứ nghị định số 123-CP ngày 24-8-1963 của Hội đồng Chính phủ về việc nghiên cứu, xây dựng, xét duyệt, ban hành và quản lý các tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành 2 (hai) tiêu chuẩn Nhà nước:

TCVN 3289 — 80. Thuốc thử. Natri cacbonat khan;

TCVN 3290 — 80. Thuốc thử. Amoniac hiđroxit.

Điều 2. — Hai tiêu chuẩn trên ban hành để chính thức áp dụng, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 1982 và phải được nghiêm chỉnh chấp hành trong tất cả các ngành, các địa phương có liên quan.

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 1980

Quyền chủ nhiệm

Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước

LÊ KHẮC .

BỘ NỘI VỤ

THÔNG TU số 11- BNV / D45 ngày 28-8-1980 quy định việc cấp giấy phép cho nhân dân đến các xã biên giới.

Căn cứ quyết định số 143-CP ngày 9-8-1976 của Hội đồng Chính phủ về việc cấp giấy căn cước cho nhân dân trong cả nước;

LawSoft * Tel: +84-8-3846 6684 www.LawVienPhapLuat.com

Căn cứ điểm 6, phần 2 thông tư số 4-TT ngày 10-11-1976 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành quyết định trên;

Đề củng cố an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở các khu vực biên giới Việt - Trung, Việt - Lào, Việt - Cam-pu-chia, phát hiện, ngăn ngừa, đấu tranh chống mọi hoạt động phá hoại của bọn phản cách mạng và các bọn tội phạm khác; đồng thời bảo đảm việc đi lại, sinh hoạt bình thường của nhân dân, Bộ Nội vụ ra thông tư quy định việc cấp giấy phép cho những người khi có việc cần đến xã biên giới như sau.

1. Những người được xét cấp giấy phép đến xã biên giới:

— Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ 15 tuổi trở lên, khi có việc riêng cần đến xã biên giới với lý do chính đáng đều được cấp giấy phép đến xã biên giới;

— Bộ đội đi công tác đến các xã biên giới do Bộ Quốc phòng quy định việc cấp giấy phép;

— Cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước đi công tác đến các xã biên giới phía Bắc được cấp giấy phép theo quy định của công văn số 3602-VP8 ngày 15-8-1979 của Thủ tướng và công văn hướng dẫn số 940-BNV ngày 26-11-1979 của Bộ Nội vụ.

2. Những người sau đây không phải xin giấy phép đến xã biên giới:

— Những người là nhân khẩu thường trú ở xã biên giới, đã có giấy chứng minh nhân dân kèm theo giấy chứng nhận nhân khẩu thường trú, khi đi lại các xã biên giới trong tỉnh mình, không phải xin giấy phép đến xã biên giới.

— Những người thường trú ở các xã giáp ranh xã biên giới kể cả trường hợp ở giáp ranh với xã biên giới của tỉnh khác, mà từ trước đến nay vẫn có quan hệ họ hàng, thân thích ở xã biên giới,

thường phải đi lại thăm viếng và làm ăn sinh sống hàng ngày, thì không phải xin giấy phép đến xã biên giới, mà chỉ sử dụng giấy chứng minh nhân dân của mình để đi lại.

3. Những người sau đây không được cấp giấy phép đến xã biên giới:

— Những người đang bị quản chế, cải tạo tại chỗ, đang bị án treo;

— Những người có liên quan đến các vụ án chính trị, hình sự đang chờ cơ quan pháp luật xử lý;

— Những người trước đã bị tù, lập trung cải tạo được tha về;

— Những người có tiền án, tiền sự về tội trộm cắp, cướp của giết người, đầu cơ, buôn lậu, oa trữ, chứa chấp, tiêu thụ của gian;

— Những người chuẩn bị trốn đi nước ngoài, hoặc chứa chấp, môi giới cung cấp phương tiện, dẫn đường đưa đón người trốn đi nước ngoài;

— Những người thuộc giai cấp bóc lột và những người trước đây đã tham gia trong bộ máy nguy quân, nguy quyền, gián điệp tình báo của địch, các tổ chức chính trị, phản động mà đến nay chưa được chính quyền và nhân dân ở cơ sở xác nhận có tiến bộ.

4. Nguyên tắc sử dụng giấy phép đến xã biên giới:

Người xin cấp giấy phép đến xã biên giới phải làm đơn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn, phường hoặc đồn công an nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, nếu có trẻ em dưới 15 tuổi đi theo, phải ghi chúng vào đơn xin cấp giấy phép.

Người được cấp giấy phép đến xã biên giới chỉ được đến những địa điểm đã ghi trong giấy phép, không được đến sát đường biên giới hiện tại.

Người được cấp giấy phép đến xã biên giới phải mang kèm theo giấy chứng minh nhân dân của người đó mới có giá trị, thời gian cho phép đến xã biên giới tùy theo yêu cầu của mỗi người và tuyến đường đi lại, nhưng không được cư trú ở xã biên giới quá 30 ngày và giấy phép chỉ có giá trị sử dụng một lần đi và về.

Khi đến xã biên giới, người được cấp giấy phép phải chấp hành các quy định về bảo vệ an ninh trật tự ở khu vực biên giới; phải mang giấy phép và giấy chứng minh nhân dân đến đồn công an hoặc Ủy ban nhân dân xã nơi đến để khai báo tạm trú và xin chứng nhận tạm trú vào giấy phép. Khi về phải trả lại giấy phép cho cơ quan cấp giấy.

Giấy phép đến xã biên giới cấp cho ai chỉ người đó được sử dụng. Nghiêm cấm việc cho mượn, cho thuê, tầy xóa, sửa chữa, mua bán, làm giả giấy phép. Ai vi phạm những quy định này sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

5. Những quy định về tổ chức thực hiện:

Giấy phép cấp cho những người đến xã biên giới theo mẫu thống nhất do Bộ Nội vụ in.

Việc cấp giấy phép cho những người đến xã biên giới phải do các đồng chí trưởng, phó Công an huyện, Công an thị xã, Công an khu phố, Công an quận, Công an thành phố thuộc tỉnh xét duyệt và ký giấy.

Những vùng biên giới đang có chiến sự hoặc có dịch bệnh truyền nhiễm... không bảo đảm an toàn, thì Ủy ban nhân dân tỉnh sở tại phải thông báo cho Ủy ban nhân dân và Sở, Ty công an các tỉnh khác tạm hoãn việc cấp giấy phép đến xã biên giới ở những khu vực đó.

Thông tư này được phổ biến cho nhân dân và các lực lượng làm nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát ở khu vực biên phòng để thực hiện.

Các đồng chí chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương; các đồng chí Chánh văn phòng, Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thông tư này.

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 1980

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thứ trưởng
TRẦN QUYẾT

ỦY BAN BẢO VỆ BÀ MẸ VÀ TRẺ EM
TRUNG ƯƠNG

THÔNG TƯ số 11-UB/TT ngày 1-9-1980 quy định và hướng dẫn thi hành chế độ phụ cấp trách nhiệm chủ nhiệm và phó chủ nhiệm nhà trẻ thuộc khu vực Nhà nước.

Căn cứ chỉ thị số 65-CT/TU ngày 8-2-1979 của Ban bí thư trung ương Đảng về công tác nuôi dạy trẻ và quyết định số 304-CP ngày 29-8-1979 của Hội đồng Chính phủ về tổ chức bộ máy và biên chế nhà trẻ thuộc khu vực Nhà nước, sau khi trao đổi và được sự thỏa thuận của Bộ Lao động tại công văn số 1017-LĐ/TL ngày 12-8-1980, Ủy ban bảo vệ bà mẹ và trẻ em trung ương ra thông tư này quy định và hướng dẫn thi hành chế độ phụ cấp trách nhiệm cho chủ nhiệm và phó chủ nhiệm nhà trẻ thuộc khu vực Nhà nước. Việc quy định chế độ phụ cấp trách nhiệm này là phù hợp với nguyên tắc phân phối theo lao động, động viên, khuyến khích đội ngũ chủ nhiệm, phó chủ nhiệm nhà trẻ yên tâm công tác, đi sâu vào nghiệp vụ, nêu cao tinh thần trách nhiệm, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, cống hiến ngày càng nhiều cho sự nghiệp nuôi dạy trẻ.